

Bản án số: 159/2019/HS-PT
Ngày: 21-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Tất Trình;
2. Ông Nguyễn Văn Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Dương Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 538/TLPT-HS ngày 05/12/2018, đối với bị cáo Nguyễn Hồng H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và tuyên án vào ngày 21/3/2019.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hồng H; giới tính: Nam; sinh năm 1965 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 34 đường H, khu phố N, thị trấn NB, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 1927 (số cũ 30), khu phố N, thị trấn NB, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị Kim C (1929); Có vợ và 02 con (lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 2000); Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng H:*

1. Luật sư Trần Văn T và Luật sư Nguyễn Đắc Q là Luật sư của Văn phòng Luật sư TVT thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Luật sư Phan Đức L1 là Luật sư của Công ty Luật TNHH Một thành viên KM thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Luật sư Vũ Phi L2 là Luật sư của Công ty Luật TNHH ĐPL thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thục V, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: 04 đường T, phường S, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 708B chung cư MT, đường V, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Hoàng Quốc V1, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: 17 (số mới 32) khu phố C, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lê Duy T1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: 52 khu phố C, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: 103 đường C, phường Đ, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 303 khu B chung cư H, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Trường A, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: 52 lô M, đường H, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 276 đường T, phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Duy C1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: 38 đường P, khu phố A, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Người làm chứng:

Ông Mai Xuân T2, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: 27 đường Đ, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: 06 chung cư H, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 07/7/2014, tại nhà số 65/9 đường TM, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Vũ Đình L3 thuê làm kho chứa hàng, có nhập hàng hóa là băng mở chuyên dụng cho xe cơ giới. Lúc này, ông Hoàng Quốc V1 là cán bộ kinh tế của Ủy ban nhân dân phường T phát hiện, nghi vấn có vi phạm nên gọi điện thoại báo cho Đội Quản lý thị trường 7B để tiến hành kiểm tra. Nguyễn Hồng H là Đội phó Đội Quản lý thị trường 7B được phân công xuống nắm tình hình. Nguyễn Hồng H bảo ông Nguyễn Trường A là nhân viên hợp đồng lái xe và ca nô của đội, dùng xe máy chở Nguyễn Hồng H đi đến hiện trường nơi nhập hàng, nắm tình hình.

Khi đến nhà số 65/9 đường TM, Nguyễn Hồng H có gặp ông Hoàng Quốc V1, ông Mai Xuân T2 là Cảnh sát khu vực phường T. Khoảng 10 phút sau, có bà Trần Thục V là nhân viên quản lý kho hàng và ông Vũ Đình L3 là chủ hàng về đến.

Theo lời khai của các đương sự Nguyễn Trường A, Trần Thục V, Hoàng Quốc V1, Mai Xuân T2: Hoàng Quốc V1, Nguyễn Hồng H và Trần Thục V, Vũ

Đình L3 cùng đi vào kho chứa hàng; Nguyễn Trường A, Mai Xuân T2 đứng bên ngoài. Khoảng 20 phút sau, Hoàng Quốc V1 đi ra ngoài cùng Mai Xuân T2 uống nước tại quán đối diện với kho, Nguyễn Hồng H ra khỏi kho tiếp tục đứng trước cửa kho trao đổi riêng với bà Trần Thục V và ông Vũ Đình L3.

Theo lời khai của bà Trần Thục V: sau khi vào kiểm tra, Nguyễn Hồng H biết tại địa chỉ trên chưa đăng ký giấy phép làm kho chứa hàng và có chứa nhiều hàng hóa. Nguyễn Hồng H nói với bà Trần Thục V và ông Vũ Đình L3, kho chứa hàng chưa có giấy phép sẽ bị phạt rất nặng, một là không giúp, hai là đã giúp thì giúp cho tới. Nguyễn Hồng H đề nghị: đưa 50.000.000 đồng để giúp giải quyết, không bị xử lý trong vòng 02 tuần sẽ không ai đến kiểm tra và trong thời gian này, ông Vũ Đình L3 phải lo làm thủ tục xin giấy phép. Ông Vũ Đình L3 đề nghị giảm số tiền xuống còn 40.000.000 đồng. Nguyễn Hồng H đồng ý, nói với ông Vũ Đình L3, bà Trần Thục V mang tiền đến cà phê TH và phải để vào 02 phong bì, một phong bì đựng 10.000.000 đồng và 01 phong bì đựng 30.000.000 đồng; còn ông Mai Xuân T2, thì bà Trần Thục V, ông Vũ Đình L3 tự xử lý.

Khoảng 12 giờ ngày 07/7/2014, tại quán cà phê TH, thuộc khu phố A, phường T, Quận 7, có Nguyễn Hồng H, Hoàng Quốc V1, Mai Xuân T2 đến trước, bà Trần Thục V đem tiền đến sau. Bà Trần Thục V ngồi được khoảng 05 phút, lấy ra 02 phong bì, bên trong một phong bì có 10.000.000 đồng và một phong bì có 30.000.000 đồng, luồn tay xuống bàn cà phê đưa cho Nguyễn Hồng H; Nguyễn Hồng H đưa cho Hoàng Quốc V1 một phong bì bên trong có 10.000.000 đồng; Mai Xuân T2 nhìn thấy Trần Thục V đưa hai phong bì cho Nguyễn Hồng H, Nguyễn Hồng H đưa cho Hoàng Quốc V1 một phong bì. Sau đó, tất cả ra về. Đến 15 giờ cùng ngày, bà Trần Thục V hẹn gặp ông Mai Xuân T2 đưa phong bì trong có 5.000.000 đồng, nói ông Vũ Đình L3 gửi cho ông Mai Xuân T2.

Ngày 15/7/2014, Đội Cảnh sát Điều tra về kinh tế, chức vụ - Công an Quận 7 tiến hành kiểm tra kho chứa hàng số 65/9 đường TM, phường T, phát hiện chứa nhiều hàng hóa là phụ tùng xe cơ giới có nhãn mác do nước ngoài sản xuất, một số mặt hàng không có hóa đơn chứng từ. Tại thời điểm kiểm tra, ông Vũ Đình L3 không xuất trình được giấy phép, hóa đơn chứng từ nguồn gốc hàng hóa, nên bị lập biên bản xử lý. Ngày 27/8/2014, Ủy ban nhân dân Quận 7 ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hoạt động kinh doanh không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới nhập lậu, phạt số tiền 32.500.000 đồng, tịch thu toàn bộ hàng hóa không hóa đơn chứng từ.

Sau khi bị Công an Quận 7 kiểm tra, xử lý, bà Trần Thục V đã chủ động đến Công an Quận 7 để tố giác, khai báo hành vi nhận hối lộ của Nguyễn Hồng H. Sau đó, ông Mai Xuân T2 chủ động nhờ ông Lê Duy T1 là bảo vệ khu phố, mang phong bì có 5.000.000 đồng gửi trả lại cho bà Trần Thục V. Ông Hoàng Quốc V1 đã giao nộp số tiền 10.000.000 đồng được Nguyễn Hồng H đưa cho ngày 07/7/2014 tại quán cà phê TH cho Cơ quan Điều tra.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Hồng H không thừa nhận hành vi có nhận hai phong bì tiền hối lộ từ bà Trần Thục V đưa ngày 07/7/2014 tại quán cà phê TH. Bị cáo thừa nhận có được phân công nhiệm vụ đến địa chỉ 65/9 đường TM,

phường T “nắm tình hình”, tại hiện trường bị cáo có làm việc, tiếp xúc với ông Hoàng Quốc V1, ông Mai Xuân T2, bị cáo có báo cáo nội dung làm việc qua điện thoại cho ông Nguyễn Tấn H1, nhưng không được chỉ đạo tiến hành kiểm tra theo quy định. Sau khi làm việc xong, bị cáo có đến quán cà phê Tuyết Hoa cùng ông Hoàng Quốc V1, ông Mai Xuân T2 và bà Trần Thục V, nhưng chỉ ngồi uống nước nói chuyện, không nhận hai phong bì tiền hối lộ từ bà Trần Thục V.

Tuy nhiên, lời khai của các đương sự Nguyễn Trường A, Trần Thục V, Hoàng Quốc V1, Mai Xuân T2 phù hợp với nhau về nội dung vụ việc, sự có mặt của Nguyễn Hồng H tại kho hàng tại địa chỉ 65/9 đường TM, phường T và Nguyễn Hồng H có vào trong kho chứa hàng, có trao đổi riêng với bà Trần Thục V và ông Vũ Đình L3, có thỏa thuận nhận tiền để bỏ qua các lỗi vi phạm tại kho; ông Hoàng Quốc V1, ông Mai Xuân T2 có chứng kiến thấy bà Trần Thục V trực tiếp đưa hai phong bì bên trong có 10.000.000 đồng và 30.000.000 đồng cho Nguyễn Hồng H; Nguyễn Hồng H đưa một phong bì có số tiền 10.000.000 đồng cho ông Hoàng Quốc V1 tại quán cà phê TH, nhằm mục đích không tiến hành kiểm tra xử lý theo quy định về các vi phạm tại kho chứa hàng tại số 65/9 đường TM nêu trên.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Hồng H không thừa nhận hành vi của mình và cho rằng Cáo trạng quy kết bị cáo nhận hối lộ là không đúng sự thật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bị cáo không phạm tội “Nhận hối lộ”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hồng H phạm tội “Nhận hối lộ”.

1. Áp dụng Điều 7; Điểm a Khoản 1, Khoản 5 Điều 354; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành bản án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng H nộp phạt số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015:

2.1. Buộc bị cáo nộp lại số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

2.2. Tịch thu sung quỹ số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản Kho bạc Nhà nước Quận 7 ngày 19/10/2015.)

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và thời hạn kháng cáo của bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/10/2018 bị cáo Nguyễn Hồng H có đơn kháng cáo xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, do bị cáo cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử oan đối với bị cáo, bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hồng H giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Bị cáo thừa nhận ngày 07/7/2014, bị cáo có được phân công đến kho hàng tại địa chỉ 65/9 đường TM, phường T, Quận 7 làm nhiệm vụ nắm tình hình. Khi kho hàng mở cửa, bị cáo có đứng bên ngoài nhìn vào chứ không đi vào bên trong kho, bị cáo đã gọi điện thoại báo cáo sự việc cho ông Nguyễn Tấn H1 là Đội trưởng Đội Quản lý thị trường 7B về việc kho hàng có các vi phạm, nhưng ông Nguyễn Tấn H1 không đồng ý cho kiểm tra. Sau khi làm việc tại kho hàng 65/9 đường TM xong, bị cáo có nói ông Nguyễn Trường A chở về cơ quan rồi lấy xe gắn máy đi một mình đến quán cà phê TH và ngồi uống nước chung bàn với bà Trần Thục V, ông Hoàng Quốc V1 và ông Mai Xuân T2. Bị cáo Nguyễn Hồng H không thừa nhận có nhận hai phong bì của bà Trần Thục V với tổng số tiền 40.000.000 đồng như bà Trần Thục V đã khai tại phiên tòa, bị cáo cũng không thừa nhận đưa cho ông Hoàng Quốc V1 một phong bì như bà Trần Thục V, ông Hoàng Quốc V1, ông Mai Xuân T2 khai. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo không phạm tội như nội dung kết quả điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập, lời khai của bà Trần Thục V, ông Hoàng Quốc V1, ông Mai Xuân T2 trong quá trình điều tra có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Hồng H được phân công nhiệm vụ đến kho hàng số 65/9 đường TM nắm tình hình, qua thực hiện nhiệm vụ bị cáo phát hiện các vi phạm, nhưng thỏa thuận với ông Vũ Đình L3, bà Trần Thục V bỏ qua các vi phạm để nhận hối lộ với số tiền 40.000.000 đồng; bị cáo yêu cầu với ông Vũ Đình L3 để số tiền này vào hai phong bì, một phong bì 10.000.000 đồng, một phong bì 30.000.000 đồng và mang đến quán cà phê cho bị cáo; tại quán cà phê TH bị cáo đã nhận hai phong bì từ bà Trần Thục V và đưa một phong bì có số tiền 10.000.000 đồng cho ông Hoàng Quốc V1. Mặc dù suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Hồng H luôn cho rằng mình không phạm tội, nhưng bị cáo không đưa ra được các tình tiết, chứng cứ có lợi cho mình để chứng minh bị cáo không phạm tội, đến phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không bổ sung được tình tiết nào mới để chứng minh cho hành vi của mình là không phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng H, giữ nguyên bản án sơ thẩm và tuyên bị cáo Nguyễn Hồng H phạm tội “Nhận hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Cơ quan điều tra khởi tố vụ án không có đơn tố cáo; không có quyết định phân công Kiểm sát viên kiểm sát điều tra, thực hành quyền công tố theo Quyết định khởi tố vụ án số 210 ngày 25/9/2015; mà lại có Quyết định số 36/QĐPC-VKS ngày 26/12/2017 phân công kiểm sát viên theo Quyết định khởi tố vụ án số 252 ngày 25/12/2017; thu thập

các chứng cứ trước khi có quyết định khởi tố vụ án là không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trước đây, do không đủ căn cứ để kết luận bị cáo nhận hối lộ nên Cơ quan điều tra đã có quyết định đình chỉ điều tra vụ án. Vụ án chỉ dựa vào lời khai gián tiếp, không có các chứng cứ trực tiếp. Các lời khai của ông Hoàng Quốc V1, ông Mai Xuân T2, bà Trần Thục V không thống nhất; không có căn cứ nào để xác định bà Trần Thục V đưa Nguyễn Hồng H 30.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội nhận hối lộ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không có nhận hai phong bì từ bà Trần Thục V với số tiền trong phong bì là 30.000.000 đồng và 10.000.000 đồng như bà Trần Thục V đã khai tại phiên tòa, bị cáo cũng không có đưa cho ông Hoàng Quốc V1 một phong bì 10.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định bị cáo không phạm tội nhận hối lộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, của những người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Bị cáo Nguyễn Hồng H là Đội phó Đội Quản lý thị trường 7B, khi nhận nhiệm vụ xuống nắm tình hình kho hàng tại địa chỉ số 65/9 đường TM, phường T, Quận 7 do ông Vũ Đình L3 làm chủ, qua làm việc bước đầu bị cáo đã phát hiện kho không có giấy phép, hàng hóa trong kho vi phạm. Khi được chủ kho hàng là ông Vũ Đình L3 xin xem xét bỏ qua các lỗi vi phạm, bị cáo đã là người trực tiếp yêu cầu ông Vũ Đình L3 đưa số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo, ông Vũ Đình L3, bà Trần Thục V đã thỏa thuận số tiền đưa cho bị cáo là 40.000.000 đồng và để tiền vào hai phong bì, một phong bì có số tiền 10.000.000 đồng, một phong bì có số tiền 30.000.000 đồng. Từ thỏa thuận này, bà Trần Thục V đã đưa cho bị cáo hai phong bì theo yêu cầu của bị cáo tại quán cà phê TH. Sau khi nhận tiền, bị cáo và ông Hoàng Quốc V1, ông Mai Xuân T2, bà Trần Thục V ra về. Như vậy, bị cáo là đã lợi dụng chức vụ quyền hạn trực tiếp nhận lợi ích cho chính bản thân mình để không làm đúng công vụ, hành vi này của bị cáo đã cấu thành tội “Nhận hối lộ”. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 07/7/2014, trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các quy định theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo là có căn cứ và lợi cho bị cáo.

Về các ý kiến đề nghị của các Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về tố tụng: Cơ quan điều tra có sai phạm trong quá trình ban hành các quyết định, là có vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên việc này không làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án, không làm thay đổi bản chất vụ án, tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

- Về lời khai của các đương sự tại cơ quan điều tra không đồng nhất: Bà Trần Thục V, ông Mai Xuân T2 và ông Hoàng Quốc V1 đều có mặt tại phiên tòa phúc thẩm và có lời khai thống nhất, phù hợp với nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các lời khai này để làm cơ sở để quyết định.

- Về số tiền nhận hối lộ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thừa nhận đã nhận hai phong bì trong đó có 10.000.000 đồng và 30.000.000 đồng do bà Trần Thục V đưa. Tuy nhiên, lời khai của bà Trần Thục V trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định bà Trần Thục V là người đã để số tiền 40.000.000 đồng vào hai phong bì, gồm một phong bì có 10.000.000 đồng và một phong bì có 30.000.000 đồng. Bà Trần Thục V đã trực tiếp đưa cho bị cáo cả hai phong bì này tại quán cà phê TH, ngay sau đó bị cáo đưa cho ông Hoàng Quốc V1 một phong bì 10.000.000 đồng. Sự việc này phù hợp với lời khai của ông Mai Xuân T2 đã nhìn thấy bà Trần Thục V đưa cho bị cáo hai phong bì, bị cáo đưa cho ông Hoàng Quốc V1 một phong bì tại quán cà phê TH. Phù hợp với lời khai của ông Hoàng Quốc V1 đã nhận từ bị cáo một phong bì có số tiền 10.000.000 đồng tại quán cà phê TH. Bị cáo không thừa nhận có nhận phong bì có số tiền 30.000.000 đồng, nhưng có các lời khai của ông Mai Xuân T2 nhìn thấy bị cáo cầm hai phong bì từ bà Trần Thục V và lời khai của bà Trần Thục V thể hiện việc bị cáo đã nhận hai phong bì, nên có đủ căn cứ để kết luận bị cáo đã nhận hai phong bì có với tổng số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo đã đưa cho ông Hoàng Quốc V1 một phong bì có số tiền 10.000.000 đồng, được ông Hoàng Quốc V1 xác nhận có nhận từ bị cáo phong bì có 10.000.000 đồng và ông Hoàng Quốc V1 đã tự nguyện nộp lại số tiền này, do đó buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 30.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận.

[3] Xét thấy, bị cáo Nguyễn Hồng H có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo nhưng bị cáo không trình bày thêm được các tình tiết mới để chứng minh hành vi của mình, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng H.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng H phạm tội “Nhận hối lộ”.

Áp dụng Điều 7; điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành bản án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng H phải nộp số tiền phạt là 30.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 30.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Hồng H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (2)
- VKSND Quận 7; (1)
- TAND Quận 7; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (7)
- Đường sự; (4)
- Luật sư; (1)
- Chi cục THADS Quận 7; (1)
- Công an Quận 7; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (30). (5)

Phạm Uyên Thy